

Số: 32/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 15 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 5 và kế hoạch tháng 6 năm 2018 (Tính đến ngày 15/5/2018)

Tình hình sản xuất trong tháng có một số thuận lợi như: Mặn không còn gây áp lực; sâu bệnh trên cây trồng vật nuôi được kiểm soát; giá heo hơi, lúa tăng. Tuy nhiên, mưa chưa đều trên diện rộng nên chưa thuận lợi xuống giống lúa Hè Thu, chênh lệch nhiệt độ mưa, nắng lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, giá một số nông sản giảm (dừa, tôm, cá lóc, cá tra,...), mưa đầu mùa kèm dông lớn gây thiệt hại tài sản và cây trồng của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu ban hành Kế hoạch của Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh; kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; Kế hoạch trồng rừng ngập mặn theo Chương trình “Trồng cây xanh vì hành tinh xanh”.

Xây dựng Quy định về phân cấp quản lý khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/12/2017 của Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020; đang triển khai xây dựng Nghị quyết về quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh; định mức kinh tế - kỹ thuật cây trồng, vật nuôi mới và một số loài cây lâm nghiệp; Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; hoàn chỉnh báo cáo rà soát, đánh giá các chính sách triển khai trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở và Phòng NN và PTNT các huyện, phòng Kinh tế TX, TP xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung 03 nhiệm vụ đột phá 2018 và những năm tiếp theo; báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và báo cáo 05 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn

tính; tham mưu triển khai thực hiện Nghị định 17/2018/NĐ-CP và Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về chính sách phát triển thủy sản.

2. Tình hình sản xuất

a) Trồng trọt

Cây lúa: Thu hoạch 12.887 ha. Nâng tổng số đến nay thu hoạch dứt điểm vụ lúa Đông Xuân 66.418 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất bình quân 6,71 tấn/ha (cao hơn 0,81 tấn/ha so cùng kỳ), sản lượng 445.657 tấn, cao hơn 92.362 tấn; xuống giống 21.038 ha lúa Hè Thu, nâng tổng số đến nay 23.660 ha, đạt 30,7% kế hoạch, chậm hơn cùng kỳ 9.536 ha, hiện tại lúa chủ yếu ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, do được chăm sóc tốt nên sâu bệnh gây hại ở mức độ nhẹ, diện tích nhỏ, lẻ.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.073 ha, nâng đến nay gieo trồng 30.189 ha (thấp hơn cùng kỳ 636 ha), đạt 54,5% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 3.614 ha, màu thực phẩm 15.094 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 11.481 ha.

Trong tháng đã chuyển đổi được 99,7 ha diện tích đất trồng lúa sang trồng màu, trồng cỏ, cây ăn trái và nuôi thủy sản, nâng tổng số từ đầu năm đến nay chuyển đổi được 412,7 ha (tính từ năm 2014 đến nay chuyển đổi được 12.655 ha).

** Tình hình thu hoạch và tiêu thụ lúa: Thu mua 159.600 tấn (tương đương 1.596 ha), nâng sản lượng thu hoạch và tiêu thụ từ đầu vụ đến nay được 435.400 tấn (tương đương 4.354 ha), đạt 84,76% diện tích gieo trồng (tương đương khoảng 435.400 tấn), còn lại chưa thu hoạch 783 ha, dự kiến đến cuối tháng 5 sẽ thu hoạch hết diện tích còn lại.*

b) Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi: Trong tháng, giá heo hơi tăng hơn so tháng trước, nâng lên mức 41.000 - 42.000 đồng/kg nhưng tỷ lệ tái đàn và xuất chuồng thấp; giá gia cầm, giá bò giữ ở mức ổn định và số lượng đàn khá ổn định so với cùng kỳ.

Tình hình dịch bệnh: Phát hiện 14 con bò (tổng đàn 60 con) nghi bệnh Lở mồm long móng (LMLM) tại 04 hộ chăn nuôi ở 03 xã: An Phú Tân (huyện Cầu Kè), Mỹ Cẩm (huyện Càng Long) và Hùng Hòa (huyện Tiểu Cần) đơn vị chuyên môn phối hợp với địa phương tập trung thực hiện các biện pháp xử lý và không để lây lan sang diện rộng. Ngày 01/5/2018 phát hiện trường hợp chó nghi bệnh Đại cắn 05 người tại xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành và cắn một số chó nuôi xung quanh. Ngành đã phối hợp với địa phương vận động các trường hợp bị chó cắn tiêm kháng huyết thanh Đại và theo dõi đàn chó bị cắn.

c) Lâm nghiệp

Tổ chức 75 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; phát hiện 02 trường hợp vi phạm, đã xử lý theo quy định pháp luật; cấp 01 giấy phép vận chuyển đặc biệt 150 con cá Sấu. Nâng tổng số đến nay tổ chức 379 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 05 trường hợp vi phạm, đã xử lý theo quy định pháp luật; cấp 15 giấy phép xuất bán động vật hoang dã; tổ chức nghiệm thu, phúc tra phòng cháy chữa cháy rừng với diện tích rừng 258,6 ha.

Đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú và Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu.

d) Thủy sản

Sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng 16.741 tấn, nâng tổng số đến nay 61.032 tấn, đạt 30,3% kế hoạch, tăng 3.975 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 5.394 ha, thu hoạch 8.612 tấn (1.957 tấn cá lóc, 992 tấn tôm sú, 3.639 tấn tôm thẻ chân trắng,...), nâng tổng số đến nay thả nuôi 24.729 ha, thu hoạch 30.516 tấn (9.147 tấn cá lóc, 2.530 tấn tôm sú, 9.693 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 24% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 108 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 173 triệu con tôm sú giống, diện tích 3.370 ha; 735 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.102 ha; 43 triệu con cua biển, diện tích 827 ha; thu hoạch 5.664 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,14 tỷ con tôm sú giống, diện tích 18.091 ha; 2,52 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 4.254 ha; 174 triệu con cua biển, diện tích 1.029 ha; thu hoạch 14.144 tấn (cao hơn cùng kỳ 3.689 tấn).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 13 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 94,7 ha (cá lóc 10,5 triệu con, diện tích 19 ha, cá tra 358 ngàn con, diện tích 0,95 ha), thu hoạch 2.948 tấn. Nâng tổng số thả nuôi 56,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 510 ha (cá lóc 41 triệu con, diện tích 87 ha, cá tra hơn 2 triệu con, diện tích 6,08 ha); thu hoạch 16.372 tấn, đạt 22,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.797 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 8.129 tấn (957 tấn tôm), nâng tổng số 30.516 tấn (4.759 tấn tôm), đạt 40,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.083 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 765 tấn (161 tấn tôm), nâng tổng số 3.902 tấn (1.324 tấn tôm), đạt 33,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 164 tấn.

+ Khai thác hải sản: 7.364 tấn (796 tấn tôm), nâng tổng số đạt 26.615 tấn (3.435 tấn tôm), đạt 42,2% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 3.920 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.426 tấn thủy sản (tôm sú 59 tấn, tôm thẻ 857 tấn), chế biến 777 tấn, tiêu thụ 632 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,7 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 4.739 tấn (tôm sú 278 tấn, tôm thẻ 2.613 tấn), chế biến 2.518 tấn, tiêu thụ 2.199 tấn, kim ngạch xuất khẩu 16 triệu USD.

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 40 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 03 tàu, đăng ký 21 tàu, cấp 17 sổ danh bạ (71 thuyền viên), cấp 23 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 01 tàu. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 265 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 63 tàu, đăng ký 92 tàu, cấp 102 sổ danh bạ (447 thuyền viên), cấp 214 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 27 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.191 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 136.354 CV (299 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.357 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.890 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 136 triệu đồng, chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu được 06 giấy khối lượng 32,6 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thu dịch vụ sử dụng cảng 5.855 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 8.812 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 486 triệu đồng, chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu được 38 giấy khối lượng 404,56 tấn.

3. Phát triển nông thôn

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tổ chức 108 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 2.160 lượt người. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 882 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 29.145 lượt người; công nhận 148.613 hộ (đạt 66,5% số phát động) và 234 ấp (chiếm 34,3%) đạt chuẩn nông thôn mới.

Được UBND tỉnh cho chủ trương phân bổ vốn 2018, đến nay đã phân bổ 125,4/222,1 tỷ đồng về UBND các huyện, thị xã để triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

Đến nay có 30 xã đạt 19/19 tiêu chí; 02 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí (giảm 01 xã so với tháng trước); 31 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí (tăng 01 xã); 22 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí.

b) Chương trình bố trí dân cư

Trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ quyết toán hoàn thành dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, thị trấn Tiểu Cần; điều chỉnh, bổ sung quy mô Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Tiếp tục phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, xã Trường Long Hòa lập danh sách các hộ có đơn tự nguyện xin bố trí ổn định dân cư.

c) Phát triển kinh tế hợp tác: Tổng hợp danh sách các HTX nông nghiệp kiểu mới tham gia mô hình thí điểm với Công ty Phân bón dầu khí Cà Mau; khảo sát 13 HTX thí điểm để làm cơ sở sơ kết, đánh giá kết quả 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 07/KH-UBND của UBND tỉnh; chuẩn hóa tài liệu và kế hoạch tập huấn kinh tế hợp tác năm 2018; tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ cho các HTX NN dưới 50 thành viên theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Lắp đặt cho 661 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 110.051 hộ; tổ chức mittinh hưởng ứng Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại huyện Trà Cú; rà soát đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn ở các xã Đức Mỹ huyện Càng Long, Tập Sơn huyện Trà Cú, Hiếu Trung và Tập Ngãi huyện Tiểu Cần; trình thẩm định kế hoạch cấp nước an toàn tại các trạm cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh và Dự án sự nghiệp thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

4. Xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 20 dự án (04 dự án hoàn thành, 14 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 10 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng; trong tháng giải

ngân 1,6 tỷ đồng, lũy kế đến nay đã giải ngân 38,16 tỷ đồng, đạt 13,1% kế hoạch (bao gồm vốn chuyên tiếp năm 2017 sang).

5. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

Thực hiện 150 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 136.669 m, khối lượng 372.594 m³. Lũy kế đến nay thực hiện được 217 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 170.517 m, khối lượng 480.913 m³, đạt 48,5% kế hoạch.

Tham gia nghiệm thu kỹ thuật kênh Tầm Phương huyện Châu Thành; theo dõi tiến độ thi công công trình khắc phục sụp lún, hư hỏng mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, đến nay đạt 36% khối lượng.

Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 01 trường hợp vi phạm, nâng đến nay tổ chức 74 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 05 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Đầu tháng 5 xảy ra mưa giông trên địa bàn 02 xã Lương Hòa và Song Lộc huyện Châu Thành làm sập 03 căn nhà, 18 căn tốc mái, 02 căn siêu vẹo; thiệt hại hoa màu 4.500m² và đổ ngã 116 cây dừa. Ước tính tổng thiệt hại khoảng 328 triệu đồng, địa phương đã đến thăm hỏi, động viên các hộ bị ảnh hưởng hỗ trợ 13 triệu đồng để khắc phục một phần thiệt hại.

6. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 173 cơ sở, thu 16 mẫu phân bón kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ra quyết định xử phạt 15 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra 431 lượt cơ sở, phương tiện, thu 79 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 41 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

a) Công tác bảo vệ thực vật: Tổ chức thu mẫu rầy nâu phân tích virus lùn lúa cỏ và vàng lùn lùn xoắn lá lúa; kiểm tra tình hình sâu bệnh ngoài đồng, đặc biệt các đối tượng rầy nâu, đạo ôn lá, ốc bươu vàng, chuột,... gây hại trên lúa và một số loại cây ăn trái để xây dựng kế hoạch phòng trị. Nhân nuôi 30.000 ong ký sinh và 800 bọ đuôi kim phóng thích ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay nhân nuôi 232.000 ong ký sinh và 6.500 bọ đuôi kim phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa.

b) Công tác thú y:

Tiêm phòng: Cúm 790.474 con gia cầm, LMLM 2.921 con gia súc, đại 2.634 con chó, mèo; tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 61.799 con gia súc; các loại vaccine khác 115.010 con; phun xịt tiêu độc khử trùng 2,64 triệu m² chuồng trại của 101.972 lượt hộ chăn nuôi. Nâng tổng số đến nay đã vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm 1.421.537 gia cầm, đạt 52,31% so diện tiêm; LMLM 7.742 con gia súc, đạt 4,9% so diện tiêm; đại 4.174 con chó, mèo, đạt 3,35% so diện tiêm; tiêm phòng các bệnh thường xuyên cho 235.991 con gia súc; các loại vaccine khác 742.720 con; phun xịt 5,5 triệu m² chuồng trại của 146.308 lượt hộ chăn nuôi.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tính 56.494 con gia súc, 327.637 con gia cầm, 68,8 tấn sản phẩm động vật. Nâng đến nay kiểm dịch được 227.178 con gia súc, 1.086.552 con gia cầm và 287 tấn sản phẩm động vật.

Kiểm dịch 13,2 triệu con tôm sú giống, 241 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 18 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 53,2 triệu con tôm sú giống, 857 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 41 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 62 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (28 mẫu nhiễm đốm trắng).

Tiếp nhận 90 tấn Chlorine từ nguồn dự trữ quốc gia và phân bổ cho các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải để phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh; tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm, giám sát tình hình bệnh trên thủy sản và hướng dẫn người nuôi các biện pháp phòng trị.

c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

Kiểm tra, đánh giá 17 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 11 cơ sở loại A, 06 cơ sở loại B; cấp 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 06 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 83 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 128 cơ sở về điều kiện bảo đảm ATTP có 80 cơ sở loại A, 48 cơ sở loại B; cấp 31 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 55 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 256 mẫu (137 mẫu nông sản, 119 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 04 mẫu vi phạm.

8. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề tài xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm nuôi được 45 ngày tuổi phát triển bình thường, trọng lượng bình quân 70 con/kg; phát hành hồ sơ đầu thầu mua bò để thực hiện Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao (quy mô 80 con bò sinh sản) và thẩm định diện tích đã đăng ký thực hiện Dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao (quy mô 20 ha).

Tổ chức 13 lớp tập huấn kỹ thuật trồng đậu phộng, canh tác lúa, chăn nuôi gà thả vườn và phòng trừ sâu bệnh đầu vụ với 286 nông dân ở các huyện Cầu Ngang, Trà Cú và thành phố Trà Vinh; 04 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn 432 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 138 lớp tập huấn cho 4.693 lượt nông dân dự; 12 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn trực tiếp cho 806 lượt hộ về phòng trừ bệnh cho tôm nuôi đầu mùa mưa, các biện pháp để ổn định môi trường nuôi, tăng cường sức đề kháng cho tôm nuôi và kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn; tổ chức hội thảo tổng kết đánh giá 12 mô hình (giảm lượng hạt lúa giống gieo sạ, nuôi vọt dưới tán rừng và ven sông, nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá tra; nuôi cua luân canh trong ao tôm; phục tráng và chọn giống đậu phộng,...). Tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

Tổng hợp ý kiến chuyên môn về định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi mới và qui trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực được xác định trong Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy.

b) Công tác giống

Xuống giống 6,4 ha lúa Hè Thu (cấp nguyên chủng 5 ha), cung ứng 34 tấn lúa giống cấp xác nhận 1 và 1.439 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 44 tấn lúa giống xác nhận 1 và 2.077 cây giống các loại.

Tiếp tục chăm sóc 300 ngàn con cá lóc giống, 50 triệu con cá tra bột, 100 ngàn con cua biển giống và 2.000 kg cá các loại, sản xuất, cung ứng và điều tiết 5,4 triệu con tôm giống các loại. Nâng tổng số đến nay sản xuất, cung ứng và điều tiết 17,8 triệu con tôm giống các loại, 61 triệu con cá tra bột, 1,3 triệu con cua biển giống, 1,9 triệu con cá lóc giống và 3.430 kg cá các loại.

Tiếp tục chăm sóc đàn gà tàu vàng (dòng bố mẹ) thả vườn sinh sản được 8,5 tháng tuổi, tỷ lệ đẻ cao nhất đạt 56,6%.

9. Tình hình thực hiện chính sách

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Hỗ trợ đầu tư 158 công trình khí sinh học, 05 con heo giống và 03 bình nitơ. Nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ mua 41 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.601 công trình khí sinh học, 2.924 liều tinh, 53 bình nitơ, đào tạo 28 dẫn tinh viên, giải ngân 28,55 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch vốn phân bổ.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Không phát sinh mới, đến nay chỉ có 01 dự án được phê duyệt, 01 dự án đang hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa với tổng kinh phí phân bổ năm 2018 là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Có 03 HTX NN xin chủ trương xây dựng cánh đồng lớn (HTX NN Hiếu Tử, HTX NN Hùng Tiến và HTX NN Phú Nông).

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg: Hoàn chỉnh kế hoạch tổ chức 09 lớp đào tạo nghề cho 272 lao động nông thôn, kinh phí 300 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Có 84 cán bộ trẻ về làm việc có thời hạn tại 42 hợp tác xã nông nghiệp (mức lương từ 2,58 – 3,32 triệu đồng/tháng).

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đến nay đã giải ngân được 7,5/19 tỷ đồng để đầu trồng màu, trồng cây ăn trái,...các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện vốn còn lại.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được

Chủ động tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện được một số kế hoạch, cơ chế chính sách, đề án, dự án đầu tư trong lĩnh vực của ngành.

Tiếp tục phối hợp với các địa phương chỉ đạo xuống giống lúa, thả giống thủy sản theo lịch thời vụ khuyến cáo.

Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là bệnh LMLM trên đàn bò xảy ra nhưng kịp thời khống chế không để xảy ra trên diện rộng.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Một số địa phương đã chỉ đạo ra quân vớt lục bình tạo dòng chảy trên một số tuyến kênh chính.

Công tác thanh kiểm tra chuyên ngành được đẩy mạnh thực hiện góp phần hạn chế đến mức thấp nhất việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

Đã đưa vào hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu tại Cảng cá Định An.

Đã tham mưu phân bổ vốn về các địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2018. Đồng thời, đã chuyển được vốn đầu tư của ngành từ năm 2017 chưa thực hiện được sang năm 2018 tiếp tục thực hiện.

2. Mặt hạn chế

Diện tích gieo trồng cây hàng năm thấp hơn cùng kỳ; tình hình xuống giống lúa Hè Thu còn chậm đến nay mới đạt 30,7% kế hoạch khả năng từ nay đến cuối tháng 5 sẽ không xuống giống đạt theo khung lịch thời vụ khuyến cáo.

Giá lúa hiện đang ở mức cao nên việc khuyến cáo người dân chuyển đổi diện tích sản xuất lúa sang trồng màu hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản đạt thấp.

Công tác thủy lợi nội đồng khối lượng thực hiện còn chậm và không đạt theo kế hoạch đề ra do các địa phương chưa quan tâm đúng mức. Một số địa phương chưa chủ động trong việc vớt lục bình tạo dòng chảy trên một số tuyến kênh chính.

Công tác vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh cho đàn vật nuôi còn nhiều hạn chế.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đạt kết quả thấp, hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo của một số Sở, ngành tỉnh, đơn vị trực thuộc và địa phương đôi lúc còn chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời gây khó khăn cho việc tham mưu xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo của ngành.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 6 NĂM 2018

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Tỉnh ủy tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và báo cáo 5 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; trình UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết về Quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; hoàn chỉnh kế hoạch triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện 06 nhiệm vụ tập trung 03 nhiệm vụ đột phá 2018 và những năm tiếp theo; tham mưu ban hành: Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; xây dựng trình phê duyệt: Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Trà Vinh, Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh; Định mức kinh tế - kỹ thuật cây trồng, vật nuôi mới và một số loài cây lâm nghiệp.

Triển khai xây dựng: Hoàn thiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; Đề án phát triển ngành nghề nông thôn; hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thành Công ty Cổ phần; trao đổi với Đài Phát thanh Truyền hình về quy chế phối hợp cung cấp thông tin phát sóng truyền hình các lĩnh vực hoạt động của ngành; chuẩn hoá tài liệu tuyên truyền và tài liệu kỹ thuật của ngành; đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 2019.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt:

Cây lúa: Phối hợp với các địa phương khuyến cáo người dân xuống giống 53.340 ha lúa Hè Thu theo kế hoạch; tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đặc biệt bệnh đạo ôn lá, bọ trĩ và rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá trên lúa Hè Thu.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Khuyến khích người dân gieo trồng vụ mùa khoảng 5.000 ha; hướng dẫn người dân chăm sóc cây màu vụ mùa và khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện; triển khai thực hiện các mô hình quản lý phòng trừ tổng hợp trên dưa leo, ớt.

Điều tra thống kê diện tích và bệnh chồi rồng trên cây nhãn, nhiễm bọ cánh cứng hại dưa, đốm nâu trên thanh long; xây dựng kế hoạch tổ chức khám bệnh lưu động trên cây trồng tại các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chăn nuôi: Phối hợp địa phương rà soát thống kê tổng đàn gia cầm quy mô lớn và vận động hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm cam kết thực hiện các quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh; tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh LMLM gia súc và bệnh Đại không để lây lan sang diện rộng; trình phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh dại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2021.

c) Thủy sản: Phối hợp với các huyện tăng cường kiểm tra, giám sát việc lưu giữ chlorine dự phòng được Trung ương cấp phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản; tuyên truyền vận động người nuôi thả nuôi theo lịch thời vụ và khuyến cáo nuôi rải vụ; tăng cường kiểm soát quản lý chất lượng giống, vật tư đầu vào và kiểm soát chặt chẽ tình hình bệnh trên tôm nuôi, khuyến cáo người nuôi

tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, dịch bệnh, môi trường thích hợp để thả nuôi theo hình thức thâm canh, bán thâm canh và siêu thâm canh (có cam kết không gây ô nhiễm môi trường vùng nuôi); tiếp tục thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích và thông báo để nông dân quản lý ao nuôi.

d) Lâm nghiệp: Trình UBND tỉnh phê duyệt dự án thuộc CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú; triển khai lập Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang xây dựng Luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu; tiếp tục tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCC rừng. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã.

đ) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu UBND tỉnh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; trình phê duyệt Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm trên địa bàn tỉnh; kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Chương trình bố trí dân cư: Kiểm tra tiến độ thực hiện các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa; phối hợp với địa phương triển khai kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân xã Trường Long Hòa.

- Kinh tế hợp tác: Triển khai 06 lớp tập huấn cho các HTX từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; hoàn thành thủ tục và triển khai mời thầu để xây dựng dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với các HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới; hỗ trợ các HTX thí điểm liên kết sản xuất với Tổng công ty Lương thực miền Nam; hướng dẫn, hỗ trợ 03 HTX NN huyện Tiểu Cần xây dựng hoàn chỉnh chủ trương và phương án thực hiện Cánh đồng lớn.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 800 hộ.

3. Công tác chuyên môn

- Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật và phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổ chức triển khai, theo dõi các mô hình đang thực hiện thuộc các nguồn vốn và các chương trình kết hợp; hoàn chỉnh ban hành hướng dẫn quy trình kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và trình bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

- Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa bão; đôn đốc các địa phương triển khai thi công và hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và hạn chế tình hình thiệt hại do mưa bão xảy ra. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình

xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí.

- Tăng cường tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; sửa chữa 10 Pano tuyên truyền về an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư và nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND.

- Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyên gia kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ và ngọt.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Các phòng, đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Truyền

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Tính đến ngày 15/5/2018)



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 5	Ước TH 5 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	123.937	270.400	25.111	120.267	97,04%	44,48%
	Cây lương thực có hạt	Ha	95.637	220.000	21.215	92.393	96,61%	42,00%
1	Cây lúa	Ha	93.111	215.000	21.038	90.078	96,74%	41,90%
	Sản lượng	Tấn	353.295	1.146.000	86.343	445.657	126,14%	38,89%
	Trong đó							
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000	12.887	66.418	110,85%	110,70%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50	6,70	67,10	113,79%	110,91%
	- Sản lượng	tấn	353.295	363.000	86.343	445.657	126,14%	122,77%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	33.196	77.000	21.038	23.660	71,27%	30,73%
	- Năng suất	Tạ/ha		51,04				
	- Sản lượng	tấn		393.000				
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		78.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		50,00				
	- Sản lượng	tấn		390.000				
2	Cây màu	Ha	30.826	55.400	4.073	30.189	97,94%	54,49%
2.1	Màu lương thực	Ha	3.779	7.750	299	3.614	95,65%	46,63%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.526	5.000	177	2.315	91,64%	46,30%
	- Diện tích thu hoạch	"	1.510	5.000	330	1.250	82,78%	25,00%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,1	54,0	56,1	56,1	100,00%	103,89%
	- Sản lượng	Tấn	8.471	27.000	1.852	7.013	82,78%	25,97%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	637,06	1.200	41	657	103,13%	54,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"	300	1.200	185	350	116,67%	29,17%
	+ Năng suất	Tạ/ha	113,0	158,3	161,5	161,5	142,92%	102,00%
	+ Sản lượng	Tấn	3.390	19.000	2.988	5.653	166,74%	29,75%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	387,30	950	52	382	98,63%	40,21%
	+ Diện tích thu hoạch	"	170	950	90,0	165	97,06%	17,37%
	+ Năng suất	Tạ/ha	115,0	157,9	157,9	157,9	137,30%	100,00%
	+ Sản lượng	Tấn	1.955	15.000	1.421,2	2.605	133,26%	17,37%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	228,00	600	28	260	114,04%	43,33%
	+ Diện tích thu hoạch	"	120,0	600	55,0	150	125,00%	25,00%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	14.745	30.750	2.470	15.094	102,37%	49,09%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	14.315	30.000	2.410	14.740	102,97%	49,13%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 5	Ước TH 5 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.950	30.000	3.880	11.700	97,91%	39,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	226,0	228,0	228,4	228,4	101,06%	100,18%
	+ Sản lượng	Tấn	269.831	684.000	88.619	267.228	99,04%	39,07%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	430	750	60	354	82,43%	47,26%
	+ Diện tích thu hoạch	"	240	750	121	183	76,25%	24,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	10,70	17,3	18,2	18,2	170,09%	105,00%
	+ Sản lượng	Tấn	256,80	1.300	220	333	129,70%	25,62%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm		9.204	13.300	1.086	8.008	87,01%	60,21%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.705	5.200	239	3.762	101,54%	72,35%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.280	5.200	1.140	2.290	100,44%	44,04%
	+ Năng suất	Tạ/ha	46,7	51,54	53,86	53,86	115,33%	104,50%
	+ Sản lượng	Tấn	10.648	26.800	6.140	12.334	115,83%	46,02%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	4.206	5.600	703	2.933	69,73%	52,38%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.550	5.600	2.254	4.354	122,65%	77,75%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.090	1.100	1.120	1.120	102,75%	101,82%
	+ Sản lượng	Tấn	386.950	616.000	252.448	487.648	126,02%	79,16%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.293	2.500	144	1.313	101,55%	52,52%
	+ Diện tích thu hoạch	"	890	2.500	730	900	101,12%	36,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	95,8	110,0	114,0	114,0	119,00%	103,64%
	+ Sản lượng	Tấn	8.526	27.500	8.322	10.260	120,34%	37,31%
2.4	Cây trồng khác	"	3.098	3.600	218	3.473	112,10%	96,47%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.098	3.600	218	3.473	112,10%	96,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.600	3.600	1.460	1.700	106,25%	47,22%
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	22.225	52.000	5.394	24.729	111,27%	47,56%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	677	3.500	94,7	510,2	75,33%	14,58%
	- Diện tích nuôi cá	"	478	2.000	91,8	449	93,95%	22,46%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	3	50	1,0	6	208,93%	12,16%
	Cá lóc	"	168	270	19,2	87	52,00%	32,30%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	199	1.500	3,0	61	30,62%	4,06%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	199	1.500	3,0	61	30,62%	4,06%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	21.547	48.500	5.300	24.219	112,40%	49,94%
	- Diện tích nuôi cá							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	21.462	47.500	5.300	23.374	108,91%	49,21%
	Trong đó: + Tôm sú	"	16.663	22.000	3.370	18.091	108,57%	82,23%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.540	7.500	1.102	4.254	120,16%	56,72%
	+ Cua biển	"	1.259	18.000	827	1.029	81,76%	5,72%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	85	1.000	-	845	994,12%	84,50%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	57.057	201.600	16.741	61.032	106,97%	30,27%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	30.624	126.900	8.612	30.516	99,65%	24,05%
2.1.2	Nuôi nước ngọt	Tấn	20.169	71.300	2.948	16.372	81,17%	22,96%
	- Sản lượng cá	"	19.690	70.000	2.891	15.630	79,38%	22,33%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	TH tháng 5	Ước TH 5 tháng đầu năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: cá tra, cá basa	"	4.690	23.500	-	2.341	49,91%	9,96%
	Cá lóc	"	11.134	30.000	1.957	9.147	82,15%	30,49%
	Tôm càng xanh	"	479	1.300	57	742	154,99%	57,11%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.3	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	10.455	55.600	5.664	14.144	135,28%	25,44%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác	"	9.645	52.500	5.486	13.730	142,35%	26,15%
	Trong đó: + Tôm sú	"	2.444	11.800	992	2.530	103,52%	21,44%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.516	33.500	3.639	9.693	175,71%	28,93%
	+ Nuôi cua biển	"	1.685	7.200	854	1.507	89,44%	20,93%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	810	3.100	179	414	51,11%	13,35%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	26.433	74.700	8.129	30.516	115,45%	40,85%
2.2.1	Khai thác biển	"	22.695	63.100	7.364	26.615	117,27%	42,18%
	+ Cá các loại	"	9.652	26.000	3.344	11.958	123,89%	45,99%
	+ Tôm các loại	"	3.174	8.100	796	3.435	108,22%	42,41%
	+ Thủy sản khác	"	9.870	29.000	3.223	11.222	113,70%	38,70%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	3.738	11.600	765	3.902	104,39%	33,63%
	+ Cá các loại	"	1.976	5.500	492	2.006	101,54%	36,48%
	+ Tôm các loại	"	1.101	3.500	161	1.324	120,29%	37,82%
	+ Thủy sản khác	"	661	2.600	112	571	86,44%	21,98%
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14.768		3.091	15.338	103,86%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.297		193	588	45,34%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	16.663		3.369	18.090	108,56%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	562		68	224	39,86%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.183		173	1.139	96,26%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	118		16	53	45,22%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		9	5	46,97%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	8.064		2.676	10.493	130,12%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.699		736	1.725	101,53%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	3.540		1.102	4.254	120,16%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	612		233	583	95,25%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.999		735	2.528	126,41%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	360		138	353	98,28%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	18		19	14	77,75%	